

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU CÁCH NHÌN CỦA IMANUEN KANT VỀ THẾ GIỚI VÀ CON NGƯỜI

ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền
*Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH&NV,
ĐHQGHN*

I.Kant (1724-1804)- nhà triết học Đức lỗi lạc, đã có những đóng góp to lớn cho nền triết học cổ điển Đức và triết học của cả nhân loại. Triết học của ông không chỉ gây ảnh hưởng vang dội đến nền triết học Cận đại mà còn tới tận ngày nay. Trong sự phát triển của lịch sử triết học Tây Âu, triết học Kant đánh dấu sự chấm dứt của phương thức tư duy cũ, mở đầu cho một phương thức tư duy mới. Chính Kant đã tự ví mình với Côpênic trong thiên văn học. Điều đó thể hiện rõ trong cách nhìn của Kant về thế giới và con người.

1. Cách nhìn của Kant về sự vật và thế giới khác biệt với các nhà triết học trước đây. Kant nhìn sự vật gì cũng theo cách “chê đôi”, nhờ cách nhìn này mà ông là người mở đầu cho một phương pháp nhận thức mới.

Kant phân biệt hai thế giới: Thế giới vật tự nó và thế giới hiện tượng.

Vật tự nó hiểu theo ba nghĩa sau:

- Vật tự nó là sự vật khách quan, tự nó tồn tại ở bên ngoài con người, con người không biết gì về nó.

- Vật tự nó là căn nguyên của thế giới, là cái tồn tại thực sự, là bản chất của thế giới, tinh thần của tinh thần.

- Vật tự nó ám chỉ những chuẩn mực, những lý tưởng của mọi sự hoàn thiện tuyệt đối mà con người có thể đạt tới được, nhưng là điều loài người hằng mơ ước. Vật tự nó là vũ trụ, là linh hồn bất tử, là thượng đế. Đây là lĩnh vực thuộc đối tượng của tín ngưỡng, niềm tin.

Thế giới vật tự nó là thế giới siêu hình (không hình hài), vô hạn, khả niệm, bất khả giác, siêu nghiệm tuyệt đối, là thế giới tự do con người không nhận thức được, nhưng lại có thể cảm thấy được dựa theo những ấn tượng mà nó tạo nên trong ta khi tác động vào giác quan. Còn thế giới hiện tượng là thế giới có hình hài, chịu sự chi phối của qui luật nhân quả, tất yếu.

Thế giới hiện thực trong tính muôn màu, muôn vẻ của nó và những qui luật dẫn dắt mọi quá trình của thế giới đó, theo Kant là những cái đang tồn tại dưới dạng hình thức (hiện tượng) của thế giới vật tự nó. Thế giới đó biểu hiện ra do tác động của thế giới vật tự nó đến khả năng cảm giác tiên nghiệm của chúng ta, gây nên những biểu tượng, những biểu tượng đó qua kinh nghiệm của chủ thể nhận thức mà xây dựng nên những hình dạng như chúng tồn tại trong hiện thực.

Như vậy thế giới hiện tượng là sản vật do con người tác thành, cho nên Kant còn gọi thế giới này là thế giới kinh nghiệm. Kant cho rằng, các sự vật trong thế giới tự nhiên thuộc thế giới hiện tượng, chúng có liên quan đến kinh nghiệm cảm tính. Khi đưa ra quan niệm về sự vật Kant đã có cách lý giải rất khác so với các nhà triết học trước đây. Tất cả các nhà triết học trước đây dù theo chủ nghĩa kinh nghiệm hay chủ nghĩa duy lý đều cho rằng lý trí con người muốn “biết” phải xoay xung quanh sự vật. Ngược lại với điều đó Kant cho rằng không phải lý trí con người quay xung quanh sự vật mà chính sự vật quay xung quanh lý trí chúng ta: “Trong triết học, Kant cũng đã làm một cuộc cách mạng táo bạo khi ông chủ trương rằng không phải trí tuệ xoay quanh sự vật mà chính sự vật xoay quanh trí tuệ” {6;tr165}.

Theo Kant khi con người biết về một sự vật thì trong điều chúng ta biết đó bao giờ cũng gồm hai phần: nội dung hay thể chất của cái biết đó và hình thức của nó.

Khi sự vật (vật tự nó) tác động vào giác quan con người thì toàn bộ những ấn tượng, trạng thái-hỗn độn mà con người thu được đó chính là nội dung của cái biết của con người về sự vật. Nhờ năng lực tiên thiên về không gian mà các đối tượng đó được qui về các hình hài có tính xác định. Nhờ năng lực tiên thiên về thời gian mà các đối tượng đó được sắp xếp theo một trật tự liên tục trước sau. Nhờ đó, chúng ta mới cảm nhận được các sự vật, hiện tượng diễn ra trong thế giới xung quanh. Không gian và thời gian chính là Hình thức của cái biết của

con người về sự vật. Như vậy không phải cảm giác lần lượt in lên trí óc con người mà chính lý trí in lên thể chất của cái biết về sự vật một hình thức đặc biệt.

Theo cách lý giải của Kant thì sự vật trong thế giới hiện tượng là kết quả của sự tổng hợp phần “thể chất” là phần do sự vật (vật tự nó) tác động với phần hình thức là phần do trí tuệ đưa ra. Những hình thức đó là những hình thức tiên thiên có trước kinh nghiệm. Như thế “chính nhờ các hình thức tiên thiên không gian và thời gian, chúng ta mới có được các cảm giác, các biểu tượng trực quan cảm tính có hình hài, có trật tự về thế giới và nhờ thế chúng ta mới thấy ra được thế giới với những sự vật, những đối tượng có hình hài, có đường nét, có giới hạn với trật tự xác định như chúng ta vẫn thường ngày thấy được trong đời sống kinh nghiệm của mình” {2;tr203}.

Khi chia thế giới thành Vật tự nó và Hiện tượng luận, Kant đã tách biệt giữa hai thế giới, hiện tượng thuộc thế giới này, vật tự nó nằm ở bên kia, tự nó tồn tại. Chỉ có sự tác động của vật tự nó vào chủ thể nhận thức chứ không có chiều ngược lại, tức không có chiều con người tác động vào vật tự nó. Nhận thức của con người chỉ là nhận thức thế giới hiện tượng, vật tự nó là thế giới siêu nghiệm. Như vậy, giữa vật tự nó và thế giới hiện tượng có một hố sâu ngăn cách mà nhận thức con người không thể vượt qua và đối với thế giới thì nhận thức là bất khả tri. Trong học thuyết của Kant có sự cách biệt giữa con người và thế giới, giữa ý thức của con người và các khách thể tác động lên con người.

2. Cách nhìn của Kant về thế giới ảnh hưởng đến quan niệm của ông về con người. Con người là đối tượng của triết học Kant, triết học cần bàn đến con người như một chủ thể hoạt động nói chung chứ không phải chỉ dừng trong hoạt động nhận thức, hoạt động tri thức vì với hoạt động nhận thức, hoạt động lý luận thì con người không vượt qua được giới hạn của thế giới hiện tượng, là thế giới của những sự vật hữu hạn, bị chi phối bởi qui luật nhân quả, không có tự do.. Khoa học triết học có mục đích tối cao là xác định bản chất con người, đem lại cho con người một cách nhìn mới về thế giới và chính bản thân mình, mong muốn đưa con người đến tự do và hạnh phúc. Kant cho rằng, bản chất của triết học là sự tự ý thức của con người về chính mình: Đối với con người cái cao quý nhất là sự tồn tại của chính mình,

là hạnh phúc của mình. Theo Kant “toàn bộ các vấn đề triết học cần phải được hướng vào việc giải đáp những vấn đề của cuộc sống con người và hoạt động thực tiễn của con người”{ 4;tr24}.

Toàn bộ triết học Kant thời kỳ phê phán tập trung giải quyết ba câu hỏi lớn:

1, Tôi có thể biết được điều gì? Câu hỏi này được ông trả lời trong tác phẩm Phê phán lý tính thuần túy.

2, Tôi cần phải làm gì? Câu hỏi này được ông trả lời trong tác phẩm Phê phán lý tính thực tiễn.

3, Tôi có thể hy vọng vào cái gì? Ông trả lời câu hỏi này trong tác phẩm Phê phán khả năng phán đoán.

Trả lời ba câu hỏi trên nhằm lý giải cho vấn đề cơ bản nhất trong triết học là : Con người là gì?

Với cách nhìn sự vật theo cách “chẻ đôi”, Kant cho rằng con người bao gồm thân xác và lý tính. Thân xác con người thuộc về thế giới hiện tượng, còn lý tính là năng lực tinh thần tiên thiên thuộc về thế giới vật tự nó. Bản thân lý tính cũng được phân đôi thành lý tính lý luận(lý tính thuần túy) và lý tính thực tiễn.

Lý tính lý luận là năng lực tinh thần tiên thiên thể hiện ở khả năng nhận thức của con người. Nhờ năng lực tinh thần tiên thiên: cảm năng, trí năng, lý năng, với những công cụ nhận thức tiên thiên, con người có được tri thức về đối tượng.

Lý tính thực tiễn là năng lực tinh thần giúp ra lệnh cho con người hành động trong quan hệ của con người với thế giới. Lý tính thực tiễn là khả năng lý tính tiên thiên, sẵn có ngang nhau ở tất cả mọi người.

Theo Kant, con người có lương tri, lương tâm, ý thức đạo đức là do con người hành động theo sự chỉ dẫn của lý tính thực tiễn. Hành động này của con người không phụ thuộc vào cái gì bên ngoài mà chỉ theo sự “lệnh bảo” của lý tính thực tiễn, phụ thuộc vào chính mình. Trong quan niệm của Kant, ý thức đạo đức là cái hoàn toàn dựa trên lý tính, chứ không phải dựa trên tình cảm và những toan tính dục vọng và tư lợi.

Lý tính, hơn nữa lý tính thực tiễn là nguồn gốc sinh ra các nguyên lý và chuẩn mực đạo đức, Kant viết “Các nguyên lý cảm tính nói chung là không thích hợp để từ đó, chúng ta có thể xây dựng các qui tắc đạo đức” {8;285}. Và hành động của con người được coi là hành động đạo đức khi làm theo yêu cầu của lý trí, cái mà Kant gọi là “mệnh lệnh tuyệt đối”. Ông gọi là mệnh lệnh tuyệt đối để phân biệt với Mệnh lệnh giả thiết- là mệnh lệnh được thực hiện vì một mục đích, một quyền lợi có tính nhân quả nào đấy. Nói tóm lại mệnh lệnh giả thiết là mệnh lệnh khuyến khích hoặc ngăn chặn các hành vi đạo đức của con người một cách có điều kiện. Còn mệnh lệnh tuyệt đối là mệnh lệnh xuất phát từ tiếng gọi của lương tri con người, nó tiềm ẩn trong trái tim, khối óc, mang tính phổ quát tất yếu. Mệnh lệnh tuyệt đối thể hiện khả năng tự chủ của con người, khả năng tự do ý chí mà không vụ lợi, không tính toán thiệt hơn.

Mệnh lệnh tuyệt đối của Kant là qui luật đạo đức chung, đòi hỏi mọi người trong xã hội phải thực hiện.

Trong cách nhìn của Kant thì hành động của con người cũng bị phân thành hai. Con người hành động theo sự chỉ đạo của lý tính thuần túy là hành động mất tự do vì lệ thuộc vào mục đích của chủ thể, đó là hành động không đưa tới hạnh phúc và đạo đức chân chính. Hành động của con người theo sự lệnh truyền của lý tính thực tiễn là hành động không lệ thuộc, con người trở thành tự do và hành động đó là hành động đạo đức : con người chỉ có thể hy vọng vươn tới cái Thiện đích thực, cái Thiện tự nó khi hướng hoạt động, hành động của mình theo sự mách bảo của lý tính thực tiễn” {8; tr229}.

Và “Nhu thế, trong lúc Kant giới hạn lý tính thuần túy lý thuyết bằng cách giảm bớt sự lạm quyền của truyền thống siêu hình học cổ điển, ông đã nâng cao chức vị cũng như lãnh vực của đạo đức học, có nghĩa là lý tính trong ý nghĩa đích thực của nó phải là một lý tính tự khởi và sáng tạo trong hành động như một thiên phú của con người: không phải lý tính thuần túy(lý thuyết) mà chính là lý tính thực hành mới là người ban bố luật lệ thật sự cho hành động của con người”{3, dẫn luận}.

Như vậy theo Kant, tri thức, học vấn không phải là cái giúp cho ta thành người, tri thức khoa học là cái không giúp gì cho con người trong việc phán xét sự thiện- ác của hành vi. Hay nói cách khác, con

người chính là con người không phải vì nó là thực thể biết suy nghĩ mà ngược lại con người có thể suy nghĩ được và luôn suy nghĩ bởi vì nó là con người. Kant khẳng định sự độc lập của nhân cách đạo đức đối với học thức và giáo dục bởi vì lý tính đạo đức không phải là cái có thể học được ở người khác hay có thể làm cho người khác, nó là khả năng tiên thiên có sẵn ở mọi người, nó độc lập với hoạt động tri thức, hoạt động nhận thức của con người.

Con người khi sống trong thế giới hiện tượng luôn bị chi phối bởi các qui luật nhân quả, tất yếu nên con người chỉ có tự do theo nghĩa tương đối. Nhưng về mặt bản chất con người là một thực thể tự do, vì vậy tinh thần và lý tính con người luôn hướng tới tự do theo nghĩa tuyệt đối. Kant cho rằng con người hoàn toàn có thể hy vọng đạt được điều đó nhờ vào năng lực phán đoán tiên thiên. Khả năng phán đoán là cầu nối đưa con người đến với tự do, dù đó là tự do tinh thần. Tinh thần tự do đó chính là tự do trong khả năng phán đoán thẩm mỹ, nghĩa là tự do xác định, cảm nhận cái đẹp, tự do sáng tạo nghệ thuật, tự do tưởng tượng và tự do tín ngưỡng. Như vậy, con người có quyền hy vọng rằng, bên ngoài thế giới mà nó đang sống còn tồn tại một thế giới ở đó con người sẽ có tự do theo nghĩa chân chính của từ này. Vấn đề này được Kant giải quyết trong tác phẩm Phê phán năng lực phán đoán.

3. Có thể thấy về mặt phương pháp, Kant đã bắt đầu một cách nhìn khác về chất so với các nhà triết học trước ông, nhìn bất luận đối tượng nào cũng thành hai. Và từ cách nhìn ấy, Kant là người đã đặt ra cho lý tính con người một giới hạn nhận thức. Nhưng cách nhìn ấy của ông cũng mới chỉ là bắt đầu và hạn chế của Kant là đã đặt giữa Vật tự nó và Hiện tượng luận một hố sâu ngăn cách không thể vượt qua. Trong triết học, Kant là người chấm dứt cho phương thức tư duy cũ và mở đầu cho phương thức tư duy mới, nhưng ông không tránh khỏi phương pháp tư duy siêu hình. Trong cách nhìn của Kant, bất luận sự vật nào cũng bao gồm hai mặt, nhưng là hai mặt biệt lập nhau, giữa chúng có một hố sâu không thể vượt qua. Vì thế dẫn đến quan niệm bất khả tri cho rằng Vật tự nó không thể nhận thức được. Vật tự nó không phải là lĩnh vực của tri thức mà đó là lĩnh vực của đức tin thông qua lý tính thực tiễn.

Phương thức tư duy của Kant đã dẫn đến cái nhìn phi lịch sử về con người và xã hội. Kant nhìn con người như là cái đã xong, đã sẵn vì bản chất con người là tiên thiên, tự do con người là có sẵn, giữa con người và xã hội cô lập, tĩnh tại. Tuy nhiên, quan điểm duy tâm tiên thiên của Kant về tự do, đạo đức mang nhiều yếu tố nhân đạo sâu sắc, đối lập với các quan điểm ích kỷ, thực dụng một cách hẹp hòi.

Mặc dù không tránh khỏi những hạn chế, nhưng: Kant được xem là triết gia Đức lớn nhất của thời cận đại, là triết gia của nền văn hoá tân thời và của nhiều lĩnh vực khác nữa. Dù người ta có đánh giá Kant gì đi nữa, điều không thể chối cãi là ít nhất Kant đã nâng triết học Đức tiến lên một giai đoạn mới. Danh tiếng của ông đẩy lùi tất cả những gì đi trước vào bóng tối và toả sáng lên những gì đi sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng của PGS. Bùi Thanh Quát, *Phép biện chứng trong triết học cổ điển Đức*.
2. *Tập bài giảng lịch sử triết học*, t2, Nxb CTQG, HN, 1994.
3. I.Kant, *Phê phán lý tính thuần túy* (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải), Nxb Văn học, 2004.
4. Tạp chí Triết học số 5, 2004.
5. Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 3, 2004.
6. Nguyễn Đình Thi, *Siêu hình học*, quyển thượng, H., Nxb Tân Việt, 1943.
7. Nguyễn Văn Huyền, *Triết học Immanuel Kant*, Nxb KHXH, HN, 1992.
8. I.Kant. Tác phẩm gồm 6 tập, t4,ph1, Nxb Tư tưởng Matxcova, 1964.